TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2025
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Xuân Lộc
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh
Ông Ngô Văn Bê

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2024 về việc *"không công nhận là vợ chồng"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: D, xã N, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang lao động tại Đài Loan.

Người được ủy quyền giao nhận tài liệu với Tòa án: anh Hoàng Văn H, sinh năm 1989

Nơi cư trú: tổ dân phố Y, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn C, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: D, xã N, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị, anh C được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh C làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2018 chị đi lao động tại

Đài Loan. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến tháng 5/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 5/2022 đến nay chị và anh C không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là cháu Đặng Văn A, sinh năm 1993 và cháu Đặng Văn T, sinh năm 2002. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng, quá trình đi nước ngoài lao động và mâu thuẫn của vợ chồng như chị H đã trình bày. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng không ai còn giữ giấy chứng nhận kết hôn do đã bị mất. Anh xác định vợ chồng đã ly thân thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Anh, chị H có 02 con chung là cháu Đặng Văn A, sinh năm 1993 và cháu Đặng Văn T, sinh năm 2002. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị H, anh Đặng Văn C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H, anh C và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227,

khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đăng Văn Cảnh.

Về con chung: Do các con chị H, anh C đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Do chị H, anh C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh C nhưng chị H, anh C không cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn, Ủy ban nhân dân xã N xác định hiện nay Ủy ban không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn gốc năm 1992 nên không có căn cứ xác định anh C, chị H có đăng ký kết hôn. Do đó, đây là vụ án "không công nhận quan hệ vợ chồng" theo khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị H là nguyên đơn hiện đang lao động tại Đài Loan, anh C là bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là vụ án có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C trình bày anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện LG, tỉnh Bắc Giang nhưng hiện nay cả hai không ai còn lưu giữ giấy chứng nhận kết hôn. Sau thời gian chung sống hòa thuận đến tháng 5/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh C.

Xét yêu cầu của chị H, Hội đồng xét xử thấy: chị H, anh C trình bày có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã N, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, hiện nay chị H, anh C không ai còn lưu giữ giấy chứng nhận kết hôn. Mặt khác, Ủy ban nhân dân xã N, huyện LG, tỉnh Bắc Giang cung cấp: hiện nay Ủy ban không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn gốc năm 1992. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định chị H, anh C chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay không đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh C đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; xử không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn C là phù hợp quy định pháp luật và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5]. Về con chung: Quá trình chung sống chị H, anh C có 02 con chung là cháu Đặng Văn A, sinh năm 1993 và cháu Đặng Văn T, sinh năm 2002. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6].Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị H, anh C không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài, nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đặng Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở Việt Nam, nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn C là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000221 ngày 29/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Đặng Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận**:*
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã N, huyện LG, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Xuân Lộc